TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHƯỚC,** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độclập - Tự do - Hạnhphúc**

Bản án số: 121/2024/HNGĐ-ST
Ngày 03-5-2024
V/v ly hôn

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sang.

2. Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Thanh An, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 318/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2023, về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị L, sinh năm 1971; địa chỉ: Khu phố V, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 8 năm 2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn N tìm hiểu 03 tháng thì tự nguyện đi đến hôn nhân. Anh chị đăng ký kết hôn vào ngày 15 tháng 8 năm 1991 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2001 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh N không chăm lo cho vợ con, chỉ nghĩ cho riêng mình, không quan tâm cảm xúc của vợ con mà nghe theo lời cha mẹ. Đã vậy, anh N còn cờ bạc nợ nần rồi bỏ trốn. Chị tự bương chải trả hết nợ thì năm 2003 anh N quay về nhưng vợ chồng không còn tình cảm và sống ly thân đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh N có 02 con chung tên là Nguyễn Xuân H, sinh năm 1991 và Nguyễn Thị Thanh H1, sinh năm 1993. Các con đã trên 18 tuổi nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: Chị và anh N không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh chị không có nợ chung.

Tại phiên Toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn N là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh N đang cư trú tại thôn B, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

[2] Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh N vẫn vắng mặt không có lý do. Chị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh N, chị L.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, chỉ có chị L cung cấp tài liệu chứng cứ. Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào những tài liệu chứng cứ này và kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án để giải quyết vụ án.

[4] Về hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn N tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 15 tháng 8 năm 1991 tại Ủy ban nhân dân xã P nên hôn nhân giữa chị L, anh N là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy: Tuy là vợ chồng nhưng giữa anh N, chị L không có sự quan tâm, chia sẻ, tôn trọng nhau, không cùng nhau chăm lo cho con chung, vun đắp cho hạnh phúc gia đình. Anh chị sống ly thân từ năm 2003 đến nay mà không có biện pháp hàn gắn, không liên lạc, hỏi thăm nhau. Chị L nộp đơn ly hôn, anh N không đến Toà cũng như không đưa ra ý kiến gì để đoàn tụ. Điều đó có thể chứng minh tình trạng hôn nhân giữa chị L, anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cho chị L được ly

hôn anh N.

[5] Về quan hệ con chung: Chị L và anh N có 02 con chung là Nguyễn Xuân H, sinh năm 1991 và Nguyễn Thị Thanh H1, sinh năm 1993. Các con đã trên 18 tuổi và chị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về tài sản chung và nợ: Chị L không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, anh chị không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

2. Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001394 ngày 14 tháng 11 năm 2023 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phước.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơinhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phước;
- CC THADS huyện Tuy Phước;
- UBND xã Phước Hưng (Số 55/1991);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lệ Quyên